

NHỮNG ĐẶC TRƯNG NGÔN NGỮ - VĂN HÓA CỦA ĐỊA DANH NAM BỘ

LÊ TRUNG HOA*

Abstract: The total number of toponyms in South Vietnam includes 70,000 units. They have the following main features:

- They are reality-based: The toponyms come from the names of political figures, cultural characters, heroes, martyrs, folk characters; the names of organizations, historical buildings; the names of the natural terrains.

- They have rustic features: Many toponyms derive from common nouns like the names of the intersections; the names of the terrains; the names of the constructions; the names of the titles; the names of the appliances.

- They have phonetic and spelling deviations from the standards due to the limitations of the Southern dialect: the reduction of phrases/ sentences into very unique place names; many words with simple phonetics are still used as toponyms; the names of many organizations and unions become toponyms.

- The simile features are expressed through the use of two measures metaphor and metonymy.

- The acculturation is found in acquiring Khmer and French cultures and in the process of the cohabitation of these two peoples.

Key words: *reality, rustic features, standard deviation, back-ups, simile, acculturation.*

1. Sau khi sưu tập được hơn 50.000 địa danh của 19 tỉnh, thành Nam Bộ, chúng tôi nhận thấy có thể khái quát những đặc trưng ngôn ngữ - văn hóa sau đây: tính hiện thực, tính dân dã, tính chệch chuẩn, tính bảo lưu, tính tỉ dụ và tính tiếp biến. Chúng tôi sẽ lần lượt triển khai từng đặc trưng trong phần dưới đây.

2.1. Tính hiện thực thể hiện ở điểm khá nhiều địa danh phản ánh cuộc sống của con người và thiên nhiên của vùng đất này

a) Tên các nhân vật chính trị

- *Hồ Chí Minh* là thành phố trực thuộc Trung ương, được thành lập ngày 2-7-1976, do sáp nhập các thành phố Sài Gòn, Chợ Lớn, tỉnh Gia Định và một số vùng đất các tỉnh lân cận. (Hồ Chí Minh là Anh hùng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới. Vì ngày 5-6 -1911, Nguyễn Tất Thành (tức Chủ tịch Hồ Chí Minh sau này) đã ra đi tìm đường cứu nước từ thành phố này nên thành phố được mang tên Người.).

* Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Võ Văn Kiệt* là kênh ở trên địa phận 2 tỉnh An Giang và Kiên Giang, dài 36,7km, khởi công ngày 22-4-1997, hoàn thành sau 220 ngày. Ban đầu gọi là kênh T5, sau khi hoàn thành, người dân gọi là kênh Ông Kiệt. Võ Văn Kiệt còn là tên đường nằm trên địa bàn các quận 1, 5, 6, Bình Chánh, từ hầm sông Sài Gòn đến quốc lộ 1A, dài 13.428m, lộ giới 60m. Đường này vốn là các đường Chương Dương, Hàm Tử, Trần Văn Kiêu nhập lại và mở rộng, khánh thành ngày 29-4-2011. (Võ Văn Kiệt (1922-2008) quê ở Vĩnh Long, đã kinh qua các chức vụ: Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh (Tp HCM), Ủy viên Bộ chính trị, Đại biểu Quốc hội nhiều khóa, Thủ tướng Chính phủ. Ông có công lớn trong việc đổi mới đất nước.).

b) Tên các nhân vật văn hóa

- *Nguyễn Đình Chiểu* là đường nằm trên địa bàn Quận 1 và Quận 3, Tp HCM, bắt đầu từ đường Hoàng Sa đến đường Lý Thái Tổ, dài 3.934m, lộ giới 20m. (Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) quê ở Gia Định. Ông đỗ tú tài năm 1843. Ra Huế chờ kì thi sau thì mẹ mất, phải về chịu tang. Giữa đường, ông bị bệnh và mù mắt. Ông cư tang và làm thầy thuốc. Pháp chiếm Gia Định, ông chạy về Cần Giuộc, rồi về Ba Tri và mất ở đây. Ông để lại nhiều tác phẩm, nổi tiếng nhất là *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, *Lục Vân Tiên*).

- *Nguyễn Hiến Lê* là đường nằm trên địa bàn quận Tân Bình, Tp HCM, dài 340m, lộ giới 12m. (Nguyễn Hiến Lê (1912-1984) quê ở Sơn Tây, tốt nghiệp Cao đẳng Công chánh, làm việc ở nhiều tỉnh Nam Bộ. Năm 1952, lên Sài Gòn mở nhà xuất bản Nguyễn Hiến Lê. Tài năng và nhân cách của ông được giới trí thức kính nể. Trong thập niên 1960, ông 2 lần từ chối giải thưởng của chính quyền Sài Gòn kèm hiện kim trị giá vài chục lượng vàng. Ông dịch và viết gần 100 cuốn sách, nhiều cuốn giá trị, như *Đại cương triết học Trung Quốc*, *Đại cương văn học Trung Quốc*, *Khảo luận về ngữ pháp Việt Nam*,...).

c) Tên các nhân vật quân sự

- *Nguyễn Huệ* là đường nằm trên địa bàn phường Bến Nghé, Quận 1, từ đường Tôn Đức Thắng đến đường Lê Thánh Tôn, dài 821m, lộ giới 64m. (Nguyễn Huệ (1753-92) tức vua Quang Trung, quê ở Bình Định. Ông là vị tướng kiệt xuất, đã tiêu diệt 5 vạn quân Xiêm và 20 vạn quân Thanh xâm lược.).

- *Trần Đại Nghĩa* là đường nằm trên địa bàn huyện Bình Chánh, Tp HCM, từ quốc lộ 1A đến đường Thanh Niên, dài 12.000m, lộ giới 40m. (Trần Đại Nghĩa tên thật là Phạm Quang Lễ (1912-1997) quê ở Vĩnh Long. Được học bổng của hội phụ huynh, năm 1935, ông du học Pháp. Học ở ba trường Đại học: Điện, Mỏ, Bách khoa và Viện Kỹ thuật hàng không nên có bốn bằng đại học. Nhờ sự giúp đỡ của một số người Pháp tiến bộ, ông tích lũy được nhiều kiến thức về chế tạo vũ khí. Về nước, ông chế tạo bazoka, SKZ. Được phong Cục trưởng Cục Quân giới, quân hàm Thiếu tướng. Được phong Anh hùng Lao động, Giải thưởng Hồ Chí Minh.).

d) Tên các anh hùng liệt sĩ

- *Trương Định* là đường nằm trên địa bàn Quận 1 và Quận 3, Tp HCM, từ đường Lê Lai tới đường Rạch Bùng Binh, dài 2.229m, lộ giới 20m. (Trương Định (1820-1864) quê ở Quảng Ngãi. Năm 1859, ông ngăn giặc Pháp ở đồn Cây Mai. Khi đồn Chí Hòa thất thủ, ông rút quân về Gò Công, lập căn cứ chống Pháp, được dân tôn xưng “Bình Tây đại nguyên soái”. Bị Huỳnh Tấn phản bội, ông bị vây, rút kiếm tự sát để khỏi rơi vào tay giặc.).

- *Nguyễn An Ninh* là đường nằm trên địa bàn Quận 1, từ đường Phan Chu Trinh đến đường Trương Định, Tp HCM, dài 141m, lộ giới 15m. (Nguyễn An Ninh (1900-1943) quê ở Long An, con của Nguyễn An Khương. Đồ cử nhân luật ở Pháp (1920). Ông có tài hùng biện, tổ chức nhiều cuộc diễn thuyết. Ông ra các báo La Cloche fêlée (đăng toàn văn Tuyên ngôn Cộng sản), L'Annam. Những người ái mộ tập hợp thành “Hội kín Nguyễn An Ninh” hay “Đảng Thanh niên cao vọng”. Trong các năm 1926-1939, ông bị bắt 5 lần, lần cuối bị kết án 5 năm tù, đày ra Côn Đảo. Kiệt sức vì chính sách hành hạ, mất ở Côn Đảo. Ông có một số tác phẩm dịch và sáng tác.).

đ) Tên các văn nghệ sĩ

- *Cao Văn Lầu* là đường nằm trên địa bàn Quận 6, từ đường Võ Văn Kiệt đến đường Lê Quang Sung, Tp HCM, dài 814m, lộ giới 16m. (Cao Văn Lầu (1892-1976) quê ở Long An, là nhạc sĩ cổ nhạc. Năm 1918, sáng tác bài *Dạ cổ hoài lang* (nghe tiếng trống đêm, nhớ người yêu), sau trở thành bản vọng cổ nổi tiếng. Ông tham gia công tác Liên Việt ở Bạc Liêu. Năm 1947, ông được phân công giải cứu nhiều cán bộ bị địch bắt và đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Hai con ông tham gia Quân đội nhân dân và ngoại giao.).

- *Lưu Hữu Phước* là đường nằm trên địa bàn Quận 8, Tp HCM, từ kênh Ngang số 2 đến chợ Rạch Cát, dài 1.971m, lộ giới 20m. (Lưu Hữu Phước (1921-1989) quê ở Cần Thơ, là một trong những nhạc sĩ hàng đầu ở nước ta. Trước Cách mạng Tháng 8, nhiều ca khúc của ông được ái mộ và phổ biến rộng rãi: *Bạch Đằng giang, Lên đảng, Tiếng gọi thanh niên, Hội nghị Diên Hồng,...* Trong kháng chiến chống Mỹ, chính quyền Sài Gòn đã phải dùng bài *Tiếng gọi thanh niên* làm quốc ca. Ông giữ các chức vụ: Viện trưởng Viện âm nhạc, Bộ trưởng Bộ Văn hóa trong Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Được Giải thưởng Hồ Chí Minh.).

e) Tên các nhân vật dân gian

- *Vĩnh Tế* là kênh nối hai tỉnh cũ Châu Đốc và Hà Tiên, dài 65,5 km, do Nguyễn Văn Thoại (1762-1829) chỉ huy đào từ năm 1819 đến năm 1824. (Vĩnh Tế vốn là tên phu nhân Châu Thị Tế (1766-1826), vợ của Nguyễn Văn Thoại, người có công giúp chồng đào con kinh này. Chữ Vĩnh thêm vào trước tên bà vốn là tên đệm dòng họ của cha bà: Châu Vĩnh Huy.).

- *Cao Lãnh* là thành phố của tỉnh Đồng Tháp, lập năm 2007. (Cao Lãnh có nguồn gốc như sau: Ông Đỗ Công Tường, người miền Trung vào Nam

lập nghiệp. Ông có tên thường gọi là Lãn, làm chức câu đương (chuyên giải quyết các xích mích trong làng) nên người ta thường gọi ông là Câu Lãn. Ông có một khu vườn rộng, sau trở thành cái chợ và người dân quen gọi là chợ Câu Lãn. Vợ chồng ông là người nhân đức (đã chết thể dân làng trong một trận dịch) nên dân làng rất kính phục. Nơi ông ở được gọi là Câu Lãn, về sau bị nói chệch thành Cao Lãn, theo hiện tượng biến âm: *tậu* (ruộng) - *tạo* (ruộng), (cô) *đầu* - (cô) *đào*, *bầu* (củ) - *báo* (củ),... Năm 1999, Ủy ban nhân dân Tp HCM lấy tên Đỗ Công Tường đặt cho một con đường ở phường 16, quận Tân Bình. Đường dài 340m, lộ giới 12m vì ông đã có công khăn hoang, lập làng, lập chợ ở Nam Bộ và có đạo đức.).

g) Tên các tổ chức, công trình lịch sử

- *Bình Dương Thi Xã* là đường nằm trên địa bàn Quận 11, Tp HCM, từ đường Âu Cơ đến hẻm 202, Ông Ích Khiêm, dài 1.000m, lộ giới 16m. (Bình Dương Thi Xã vốn là Hội thơ quy tụ nhiều danh sĩ người Hoa như Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định,... ở đất Gia Định xưa.).

- *Lũy Bán Bích* là đường nằm trên địa bàn quận Tân Phú, Tp HCM, từ đường Âu Cơ đến cầu Tân Hóa, dài 4.200m, lộ giới 30m. Lũy Bán Bích do Nguyễn Cửu Đàm đắp năm 1772, nằm trên vòng đai bảo vệ cho vùng Bến Nghé.

h) Tên các địa hình thiên nhiên

Chúng tôi chỉ xin nêu một số dòng chảy và địa hình đặc biệt:

- *Gãy*: chỗ dòng chảy gấp khúc không được thẳng như bình thường: *gãy Cờ Đen* (Đồng Tháp), *gãy Lâm Vô* (Tây Ninh), *gãy Lở Ổ* (Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu), *chợ Gãy* (Đồng Tháp),...

- *Hóc*: xẻo nhỏ, về sau chuyển thành *hói*: *hóc Bà Tô* (Cà Mau), *hóc Kên Kên* (Đồng Nai), *rạch Hóc Hươu*, huyện Hóc Môn, *rạch Hóc Ót* (giữa Tây Ninh - Tp HCM), *rạch Hói*, *rạch Bàu Hói* (Tp HCM),...

- *Khém*: đường nước hẹp: *khém Cồn* (Vĩnh Long), *khém Bà May* (Vĩnh Long), *rạch Khém Cạn* (Sóc Trăng), *hóc Khém Dưới* (Bến Tre),...

- *Lòng tàu*: khúc sông sâu như lòng chiếc tàu: *sông Lòng Tàu* (Tp HCM, Đồng Nai).

- *Lươn/ con lươn*: dòng nước ngắn, nhỏ, tập trung ở Tp HCM: *kinh Lươn Bèo*, *rạch Lươn Cạn*, *rạch Lươn Ngang*, *rạch Lươn Giữa*, *rạch Con Lươn*, *rạch Con Lươn Quyển*,...

- *Hàn*: vật chắn ngang sông rạch, có thể là đá, gỗ,...: *hàn Bảy Đá* (Đồng Nai), *rạch Cầu Hàn*, *rạch Đá Hàn* (Tp HCM),...

- *Láng*: chỗ ngập nước, đồng nghĩa với đầm, đìa: *rạch Láng Bàn*, *cầu Láng Chà*, *vùng Láng Le*, *rạch Láng Thê*, *vùng Láng Thọ*, *rạch Láng Tiến*, *cầu Láng Mặn* (Tp HCM), *vùng Vàm Láng* (Tiền Giang), *chợ Láng Dài* (Bà Rịa - Vũng Tàu), *cầu Láng Cháy* (Trà Vinh), *rạch Láng Bồn Bồn* (Sóc Trăng).

- *Lung*: chỗ trũng ở giữa đồng, giữa rừng, tương đối lớn: *lung Ngọc Hoàng* (Hậu Giang), *rạch Lung* (Tp HCM), *rạch Lung Âu* (An Giang), *kinh Lung Cái* (Vĩnh Long), *rạch Lung Chim* (Vĩnh Long), *câu Lung Cần Thơ* (Cà Mau),...

- *Ô*: ao/ bầu/ vũng: *huyện Ô Môn* (Tp Cần Thơ), *địa điểm Ô Ma* (Camps des Mares: trại lính có nhiều ao, Tp HCM), *Ô Cáp* (Bà Rịa - Vũng Tàu),...

- *Tráp*: khu đất trũng, ngập nước quanh năm, có nhiều loại cây hoang, cỏ dại bám thành giề nổi trên mặt nước: *tráp Mốp Xanh* (Long An), *tráp Rừng Rinh* (Long An), *kinh Tráp Bèo* (Tiền Giang),...

- *Ụ*: chỗ sâu trên một dòng sông và ăn sâu vào đất liền để ghe thuyền đậu lại, và bờ sông ở đây lồi lồi để dễ kéo thuyền lên sừa: *rạch Ụ* (Kiên Giang), *đảo Ụ* (Kiên Giang), *ụ Ông Cai Việc* (Bình Thuận), *kinh Ụ Trâu* (Trà Vinh), *địa điểm Ụ Giữa* (Tiền Giang), *bến Ụ Ghe*, *rạch Ụ Cây* (Tp HCM), *địa điểm Ụ Tàu* (Kiên Giang), *kênh Ụ Trâu* (Trà Vinh),...

- *Vàm*: (gốc Khmer: *piêm*) ngã ba sông/ rạch: *vàm Bà Huệ* (Vĩnh Long), *vàm Cà Cau* (Bến Tre), *vùng Vàm Láng* (Tiền Giang), *sông Vàm Nao* (An Giang), *cầu Vàm Sác* (Tp HCM), *sông Vàm Trà* (Trà Vinh),...

2.2. Tính dân dã thể hiện trong việc sử dụng các từ ngữ trong ngôn ngữ hằng ngày của quần chúng, đôi khi quá dung dị. Tính dân dã do tác giả của các địa danh này là những người thuộc tầng lớp ít học trong xã hội. Chúng ta có thể khái quát các nguyên nhân sau

Trong địa danh Nam Bộ có khá nhiều đơn vị bắt nguồn từ danh từ chung:

2.2.1. Tên các giao lộ trở thành địa danh

- *Ngã ba*: kênh *Ngã Ba*, sông *Ngã Ba*. Ở Trung Bộ, Bắc Bộ chỉ có từ Hán Việt đồng nghĩa: *Tam Kỳ* (thị xã của tỉnh Quảng Nam), *Tam Kỳ* (xã của huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương).

- *Ngã tư*: rạch *Ngã Tư*, sông *Ngã Tư Nhỏ*, rạch *Ngã Tư*, khu vực *Ngã Tư*. Ở Bắc Bộ chỉ có từ Hán Việt đồng nghĩa: *Tứ Kỳ* (huyện của tỉnh Hải Dương), *Tứ Kỳ* (thị trấn của huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương).

- *Ngã bảy*: chợ nổi *Ngã Bảy*, phường *Ngã Bảy*, sông *Ngã Bảy*, khu *Ngã Bảy*,...

Một số từ tổ chỉ thứ tự cũng dùng làm địa danh:

- *Thứ ba*: kênh, thị trấn *Thứ Ba* ở tỉnh Kiên Giang.

- *Thứ mười một*: chợ, thị trấn *Thứ Mười Một* ở tỉnh Kiên Giang.

2.2.2. Tên các địa hình trở thành địa danh

- *Búng*: chỗ nước sâu và xoáy ở giữa dòng, có thể làm lật tàu thuyền: địa điểm *Búng*, ấp *Búng Lớn*, ấp *Búng Nhỏ*.

- *Bung*: (gốc Khmer: *bâng*) chỗ ngập nước ở giữa đồng, có nhiều cỏ lác: *bung Sáu Hi* (Đồng Tháp), *chợ Bung Cốc* (Sóc Trăng), *chợ Bung Riêng* (Bà Rịa - Vũng Tàu), *khu di chỉ khảo cổ học Bung Bạc* (Bà Rịa - Vũng Tàu), *vùng Bung Sáu Xã* (Tp HCM), *chợ Bung Chông* (Sóc Trăng), *khu Bung Thom* (Bà Rịa - Vũng Tàu),...

- *Cù lao*: khoảng đất ở giữa sông rạch hoặc biển: khu vực *Cù Lao*.

2.2.3. Tên các công trình xây dựng trở thành địa danh

- *Bảo*: đồn binh cố định, được xây dựng kiên cố: *cù lao Bảo*.
- *Bót*: đồn lính hoặc cảnh sát (gốc Pháp poste; đồn lính): *cầu Bót*.
- *Chùa*: nhà thờ Phật: *rạch Chùa*, xóm *Chùa*.
- *Dinh*: núi/ sông Dinh; *khu Bạch Dinh*.
- *Đình*: nhà công cộng của làng thời trước, dùng làm nơi thờ thành hoàng và họp việc làng (thường là nhà to, rộng nhất làng): *rạch Đình*.
- *Lăng*: công trình xây dựng làm nơi cất giữ di hài của vua chúa (ngày xưa) hoặc của một vĩ nhân (ngày nay): *rạch Lăng*, *cầu Rạch Lăng*.
- *Miếu/ miễu*: nơi thờ thần thánh (hoặc những nhân vật đã được thần thánh hóa); đền thờ nhỏ: *rạch Miếu*, *cù lao Miếu Núi*,...
- *Nhà bè*: nhà xây trên cái bè: *huyện Nhà Bè*.
- *Nhà rông*: ngôi nhà có đặt hai con rồng trên nóc: *bến Nhà Rồng*.
- *Nhà việc*: nơi làm việc của các viên chức xã ấp dưới thời phong kiến: *xóm/ ấp/ ngã ba Nhà Việc*. Cũng gọi là *Nhà Vương*, *Nhà Làng*.
- *Xã tây*: trụ sở cơ quan hành chính của một tỉnh dưới thời Pháp thuộc: *chợ Xã Tây*.

2.2.4. Tên các chức danh trở thành địa danh

- *Bang biện*: “chức phụ việc. Có bang biện tỉnh vụ, bang biện phủ vụ, huyện vụ; bang biện đội, bang biện tổng, v.v...”: *cầu Bang Biện*.
- *Điều bát*: chức quan võ lo việc điều khiển binh lính: *chợ Điều Bát*.
- *Điều khiển*: dinh của quan trấn thủ cai quản cả phủ Gia Định, tức Nam Bộ ngày nay: *chợ Điều Khiển* - dinh xây năm 1731, gần chợ, nay ở vào khoảng từ ngã sáu Sài Gòn đến đường Cống Quỳnh, Quận 1, Tp HCM. Chợ bị bỏ khi người Pháp quy hoạch thành phố.
- *Hương chánh*: đồng nghĩa với hương sư, hương giáo: *rạch Hương Chánh*.
- *Hương sư*: thầy làng, cũng gọi *hương chánh*, *hương giáo*: *rạch/ cầu Hương Sư*.
- *Tham tướng*: chức quan võ chỉ huy một địa khu hay một lộ, một dinh quân; địa vị dưới Tổng binh và Phó tổng binh: *rạch/ cầu/ chợ Tham Tướng*.
- *Thủ ngữ/ thủ ngự*: “chức quan giữ cửa biển. Đồn thủ tại cửa biển”. Thủ Ngự là “quan chức trông coi một thủ, nhỏ hơn Tuần ty, giữ việc thu thuế. Đặt năm Minh Mạng thứ 13”: *bến phà Thủ Ngữ*; *cầu và rạch Thủ Ngữ*.

2.2.5. Tên các đồ dùng

- *Chệt*: “một loại ghe có mũi, mũi bằng để xe cộ có thể chạy xuống” [1]: *sông Chệt*.

- *Xáng*: thường gọi là chiếc sà-lan, trên đó người ta đặt cái máy đào kênh, vét bùn. *Kinh xáng* là con kinh do xáng đào. Ở Nam Bộ có nhiều con kinh đào mang tên này [5]: kênh ở các tỉnh Trà Vinh, Vĩnh Long, Tp HCM,... *Xáng* gốc Pháp là *chaland*,...

2.2.6. Rút gọn những ngữ/ câu thành địa danh rất độc đáo

- Cánh đồng nơi lính tập nhảy dù: *căn cứ Đồng Dù*.
- Khu đất không cày được mà chỉ dùng cuốc: *xã Đất Cuốc*.
- Nhiều cây gáo mọc trên giồng đất: *kênh, xã, khu du lịch Gáo Giồng*.
- Khu tràm có nhiều chim sinh sống: *thị trấn Tràm Chim* (Tam Nông).
- Nhà già cò bàng: *thị trấn Nhà Bàng*.

Riêng từ *nước* đã được nhiều từ xác định về nghĩa để nói lên đặc trưng của dòng nước ở đó:

Nước Đục là cầu ở tỉnh Tiền Giang, là rừng ở tỉnh Vĩnh Long và là sông ở tỉnh Hậu Giang. Nước đục vì nước nhiễm màu của lá cây chìm trong nước và lấm phù sa.

Nước Lên là rạch ở Tp HCM, do hiện tượng thủy triều lên xuống.

Nước Mặn là kênh nối sông Cần Giuộc với sông Vàm Cỏ, tỉnh Long An. Nước Mặn vì nước biển xâm nhập vào dòng sông.

Nước Mực là rạch ở tỉnh Long An. Nước Mực vì xưa kia nơi đây lá cây rừng rụng nhiều trôi về làm nghẽn lối đi của ghe xuồng.

Nước Ngọt là đèo ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nơi núi vươn ra biển. Nước ở dòng sông cạnh đèo lẽ ra phải mặn vì gần biển nhưng lại ngọt.

Nước Sôi là vịnh ở tỉnh Cà Mau. Gọi là *Nước Sôi* có lẽ do nước xoáy tại đây có hiện tượng giống như nước đang sôi.

Nước Trong là sông ở tỉnh Hậu Giang. Vì nước trong dòng sông trong hơn nước chung quanh.

Nước Xoáy là ấp của tỉnh Vĩnh Long. *Nước Xoáy* vì “khi nước ròng thì nước ở rạch Ông Nam và Ông Cờ đổ ra rất nhiều với nước vàm Tân Khai hình thành nên nước xoáy rất mạnh và nguy hiểm” [8]. *Nước Xoáy* còn là rạch ở tỉnh Đồng Tháp. *Nước Xoáy* là chỗ nước xoáy tròn giữa dòng. Người Khmer cũng gọi như thế *Prék Tuk Vil* “rạch Nước Xoáy” [12].

Và từ *đường* có nhiều cách cấu tạo rất đa dạng và phong phú:

- Đường nước ghe xuồng thường đi lại: *kênh Đường Xuồng*.
- Đường giống như do lưới cày xới lên: *rạch/ cầu Đường Cày, rạch Đường Cày Lớn*.
- Đường thủy chảy qua khu cầm giữ gia súc lúc nông nhàn: *rạch Đường Cầm*.
- Đường nước thường dùng ghe kéo hàng hóa: *rạch Đường Kéo*.

- Đường nước thường chở củi: *rạch Đường Củi, cầu Đường Củi Lớn, cầu Đường Củi Nhỏ.*

- Đường nước do voi thường đi lại tạo thành: *mương Đường Voi.*

- Đường nước trâu thường đi lại: *rạch Đường Trâu, kênh/ rạch Đường Trâu Lớn, Đường Trâu Nhỏ.*

2.2.7. Nhiều từ ngữ có ngữ âm nôm na vẫn được dùng làm địa danh

Vùng *Lái Thiêu*, huyện *Gò Quao*, ngã năm *Chuông Chó*, chợ *Chuông Bò*, ngã ba *Chú Á*, khu *Bà Quẹo*, khu *Bà Hom*, *rạch Bàu Hói*, chợ *Gãy*, địa điểm *Gãy Cờ Đen*, *kênh Chết Chém*, *rạch Trẹm*, *sông Trẹm Trẹm*, *ấp/ cầu/ kênh Chòi Mòi*, *hồ Gia Hoét*, *kênh Già Giách*, *cầu Am Lôi Thôi*, *tổng An Thít*, *thành phố Bà Rịa*, *tỉnh Bà Chợ*, *sông/ cầu Ba Càng*, *cầu Ba Cặng*, *cầu Bảy Nhạo*, *dốc Ba Lon*, *cầu Ba Nanh*, *rạch Ba Rệt*, *sông Ba Thắc*, *mương Bà Cọc*, *ao Bà Om*, *núi Bà Kéc*, *núi Bà Khẹt*, *rạch Bà Ngọt*, *rạch Cái Mơn*, *quận Cái Răng*, *khúc sông Eo Lỏi*, *thị xã Sa Đéc*, *huyện Bù Đốp*, *xã Bù Gia Mập*, *huyện Cần Giuộc*, *huyện Cần Đức*, *ngã ba Chó Tru*, *rạch Xoài Mút*, *kinh Xoài Cà Lăm*, *địa điểm Đông Chó Ngáp*, *kinh Trờ Đánh*, *xã Quê Mỹ Thạnh*, *rạch Tám Khùi*,...

Sở dĩ những địa danh có ngữ âm rất nôm na nhưng vẫn tồn tại lâu dài vì những lí do sau đây:

- Trình độ văn hóa của cư dân Nam Bộ ngày xưa nói chung chưa được cao lắm nên ngôn ngữ của họ giản dị, dễ hiểu, cụ thể, ít có từ trừu tượng: *cầu Ba Cặng*, *ngã ba Chuông Chó*, *đường Ba Khía*, *Chòi Mòi*,...

- Nhiều địa danh do chính người bình dân đặt nên dễ được quần chúng chấp nhận và sử dụng lâu dài.

- Một số địa danh có nguồn gốc của các dân tộc thiểu số nên ngữ âm lạ lẫm với người Việt nói chung:

+ Gốc Khmer: *huyện Lấp Vò*, *rạch Gòi*, *quận Cái Răng*, *hang Túc Dục*, *Ba Vát*, *Sa Đéc*, *Cần Giuộc*, *Cần Đức*, *rạch Ba Rài*, v.v...

+ Gốc Chăm: *Bà Rịa*, *cầu Gọ*,...

+ Gốc Stiêng: *Bù Đốp*, *Bù Gia Mập*,...

+ Gốc Hoa: *ngã ba Chú Á*, *ấp Chủ Chợ*,...

2.2.8. Nhiều địa danh có cấu tạo không hợp chuẩn ngữ nguyên

Theo cách kết hợp từ ghép của tiếng Việt, các thành tố phải cùng một ngôn ngữ. Nhưng trong địa danh Nam Bộ có nhiều địa danh có cấu tạo chệch chuẩn.

- Từ thuần Việt + từ Hán Việt: *huyện Long Đất* (sau 30/4/1975 đã bị thay đổi), *xã Phú Riềng*.

- Từ thuần Việt + từ tiếng Anh: *xóm Đường Rầy* - *rầy* <rail (đường xe lửa).

- Từ thuần Việt + từ gốc Pháp: *ngã ba Cua Heo* - *cua* <courbe (khúc ngoặt trên đường đi của xe cộ, tàu bè" [2].

- Từ thuần Việt + từ Khmer: *rạch Gòi Lớn*, *rạch Gòi Bé*, *kênh Xóm Thum*.

2.2.9. Tên nhiều tổ chức, đoàn thể trở thành địa danh

- Nhà nước: kênh *Nhà Nước*.
- Bộ đội: suối *Bộ Đội*.
- Dân quân: kênh *Dân Quân*.

2.2.10. Nhiều hình ảnh dung dị được dùng làm địa danh

- *Tư thế của con người*: kênh *Chống Khu*, tắt *Chàng Hàng*: ngã ba có hai nhánh rẽ ra như người đứng giăng hàng.
- Bộ phận của con người: ấp *Vú Nàng*; cầu/ rạch *Nách Ông Tường*,
- Bộ phận của y phục: ngã ba *Ông Quần*: ngã ba có hai nhánh rẽ ra như hai ống quần.

2.3. Tính chệch chuẩn về ngữ âm và chính tả do hạn chế của phương ngữ Nam Bộ.

a) Về phụ âm đầu, phương ngữ Nam Bộ lẫn lộn 11/22 âm sau đây: Ch-/Tr-, S-/X-, V-/D-/Gi-, W-/Hw-/Ngw-/Qu-.

Bình Giã là xã của huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, diện tích 1.794,83ha, dân số 9.782 người (1999). Đây là nơi ghi chiến công của quân dân ta trong trận chiến chống Mỹ kéo dài từ 2/12/1964 đến 3/1/1965. Bình Giã có dạng gốc *Bình Dã*, là “đồng bằng” [4].

Hàng Xanh là vòng xoay và cầu vượt nằm trên đường Điện Biên Phủ, thuộc quận Bình Thạnh, Tp HCM, tổng đầu tư xây dựng 61,3 tỉ đồng, khánh thành ngày 29-4-1995. *Hàng Xanh* có dạng gốc là *Hàng Sanh*, là “hàng cây sanh”, vì trước năm 1945, hai bên đường, nay là đường Bạch Đằng, gần vòng xoay, có trồng hai hàng cây sanh, sau mở rộng đường nên người ta đốn hết [4]. *Sanh* là “cây cùng loại với sung, si, rễ mọc thông từ cành xuống, lá đơn nguyên, thường trồng làm cảnh” [2].

Hóc Quả là rạch ở huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, và là địa điểm ở tỉnh Bến Tre, là “dòng nước nhỏ hai bên có nhiều trái cây”. Nhiều người nói và viết lầm thành *Hóc Hóa*.

b) Về vần, người Nam Bộ lẫn lộn 120/162 vần: -an/-ang, -urn/-ung, -at/-ac, -it/-ich,... Vì vậy, số từ bị sai lạc về chính tả khá lớn:

Gành Hào là sông ở ranh giới hai tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu, dài 55km, rộng 300m. *Gành Hào* còn là thị trấn nằm bên sông Gành Hào, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu. *Gành Hào* có dạng gốc là *Gành Hàu*, vì tại *gành* này có nhiều hàu.

Tắc Ráng là ấp của phường Vĩnh Hiệp, Tp Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. *Tắc Ráng* có âm gốc là *Tắt Ráng*, nghĩa là “dòng nước để đi tắt từ nơi này đến nơi khác, hai bên có nhiều cỏ ráng”. Tại nơi đây, năm 1959, ông Dương Văn Năm là người đầu tiên sản xuất ra loại xuồng nhỏ, chạy rất nhanh, sau người ta lấy tên nơi sản xuất đặt tên cho sản phẩm theo phương thức hoán dụ.

Xoài Cà Lâm là kênh ở phường Núi Sam, thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang. *Xoài Cà Lâm* có âm gốc là *xoài cà lăm*, “thứ xoài cây to, sai trái; trái nhỏ hơi dẹp, hột to, chỉ ăn sống” [5].

Chun là rạch ở xã Tân Túc, huyện Bình Chánh, Tp HCM. Vì hai bên rạch có nhiều lùm cây nên người đi xuống vào đó kiếm củi, bắt rùa, rắn, ki nhông, phải vạch lùm bụi mà chun vô, trong đó đôi khi có cạp. Nhiều người phát âm và viết sai thành rạch *Chung* (Nguyễn Văn Trấn).

c) Về thanh điệu, người Việt Nam Bộ không phân biệt các từ mang thanh “hỏi” và các từ mang thanh “ngã”. Theo thống kê của chúng tôi, số từ mang thanh hỏi trong tiếng Việt có độ 900 từ; số từ mang thanh ngã có độ 1.900 từ. Do đó, số lượng địa danh bị viết sai chính tả cũng khá lớn.

Tẽ là kinh nằm trên ranh giới Quận 4 và Quận 7, Tp HCM, được đào năm 1905, dài 4.360m. Đây là thủy đạo quan trọng nối thành phố với các tỉnh miền Tây. *Tẽ* vốn là *Tẽ*, viết sai chính tả, vì đây là một nhánh của rạch Bến Nghé rẽ ra nên mang tên trên. *Lộ Tẽ* ở Hậu Giang cũng thế.

Thị Vải là núi ở huyện Châu Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, cao 461m. *Thị Vải* có dạng gốc là *Thị Vãi*, nơi bà vải Lê Thị Nữ tu hành và đắc đạo (*Gia Định thành thông chí* và *Đại Nam nhất thống chí*). *Thị Vải* còn là tên sông bắt nguồn từ vùng núi tỉnh Đồng Nai, chảy qua huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, dài độ 13,4km. Vì sông chảy gần núi Thị Vãi nên mang tên trên.

Ngoài ra, do tục kiêng húy, một số địa danh đã bị cố ý nói và viết chệch:

Phước Kiển (g) là xã của huyện Nhà Bè, Tp HCM. *Phước Kiển* do hai xã Phước Long Đông và Long Kiển nhập lại. Thường bị viết sai thành Phước Kiển. *Kiến Phước* là xã của huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. *Tân Kiển* là phường của Quận 7, Tp HCM từ ngày 6-1-1997, vốn là một phần của ba xã Tân Qui Đông, Tân Qui Tây, Tân Thuận Tây. Vì phường vốn là một phần ba xã bắt đầu bằng từ Tân, lại ở gần bên đò Long Kiển nên mang tên trên. Từ *Kiến* trong các địa danh trên vốn là *Cánh*. Nhưng để tránh xúc phạm đến tên vua Trần Thái Tông (Trần *Cánh* và Nguyễn Phúc *Cánh* - con vua Gia Long), phải nói tránh.

Ở Thủ đô Hà Nội có phố *Ngô Thì Nhậm*. Ở Tp HCM cũng có đường mang tên nhân vật lịch sử này nhưng lại gọi *Ngô Thời Nhiệm*. Sở dĩ cùng một người nhưng có hai tên khác nhau vì ở miền Bắc không kiêng húy các vua nhà Nguyễn còn trong Nam thì có. Tên vua Tự Đức là *Hồng Nhậm*, Nguyễn Phúc *Thì*.

2.4. Tính bảo lưu được nhận thấy trong việc còn hàng trăm từ cổ, từ lịch sử và từ địa phương xuất hiện trong địa danh Nam Bộ

Xin nêu một vài từ cổ tiêu biểu:

Bảy Háp là sông ở tỉnh Cà Mau, chảy từ thành phố Cà Mau vào vịnh Thái Lan, dài độ 48km, cửa sông rộng 500m. Nguyên có một mùa cá tôm, gia đình một ngư phủ đánh bắt được kỉ lục 7 *háp*. Có hai cách giải thích *háp*:

1) 7 *háp* có trọng lượng 42.000 kg [6]; 2) *Háp* là đơn vị trọng lượng tương đương 50kg: 1 *háp* là 10 yến, 1 yến là 10 nan, 1 nan phỏng chừng 1 livre (= nửa kí) (PPDB). Vậy 7 *háp* tương đương 350kg. Trọng lượng kỉ lục này trở thành tên sông. Số lượng tính theo cách thứ hai hợp lí hơn. *Háp* ngày nay không còn sử dụng mà gọi là nửa tạ.

Mỏ Cà là vùng đất hai bên quốc lộ 1A ở phía bắc thị trấn Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. *Mỏ Cà* cũng là tên huyện của tỉnh Bến Tre - nay được chia làm hai huyện Mỏ Cà Bắc và Mỏ Cà Nam. *Mỏ Cà* vốn là tên một bộ phận của cái cà, từ tay cầm đến lưỡi cà (*Dictionnaire Annamite - Français* của Génibrel dịch *la manche d'une charue* "cán cà"). *Mỏ cà* hình cong như chữ Z nên những vật có hình dáng tương tự thì gọi là "mỏ cà", như: *sao mỏ cà*. Đoạn quốc lộ 1A chạy qua vùng này của tỉnh Quảng Ngãi cong như cái mỏ cà nên mang tên trên. Sông Hàm Luông ở tỉnh Bến Tre cũng có hình cong như cái mỏ cà. Sách chữ Hán dịch là *Lê Đầu giang* "sông giống đầu cái cà" [4]. Ngày nay, người ta không còn dùng *mỏ cà* mà gọi *chuôi cà*.

Xin nêu vài địa danh mang từ lịch sử:

Châu Phê là địa điểm thuộc xã Nhơn Thạnh Trung, thị xã Tân An, tỉnh Long An. *Châu Phê* là "phê bằng bút đỏ", vì nơi đây năm 1705, tướng Nguyễn Cửu Vân cho quân khẩn hoang. Năm 1715, con ông là Nguyễn Cửu Triêm xin chúa Nguyễn cấp cho 1 khu làm "quan điền biệt thực" (ruộng công thu thuế riêng) và chúa chấp thuận. Khu đất này gọi là *ruộng Châu Phê*, diện tích 31 mẫu, 1 sào, 9 thước [11].

Tham Tướng là rạch, cầu và chợ ở phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ. *Tham Tướng* là Phó tướng, chức danh của Mạc Tử Sanh, con út của Mạc Thiên Tứ. Ông có công gìn giữ an ninh, tổ chức nạo vét kinh rạch và tử trận ở đây nên dân biết ơn [6].

Địa danh mang tên cây khá phong phú, chỉ nêu vài cây chủ yếu:

Thai Thai là rạch ở xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi, Tp HCM, chảy vào sông Sài Gòn. *Thai Thai* là tên một giống bắp ngắn ngày [4].

Tham Rôn là rạch ở xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. *Tham Rôn* gốc Khmer, có nghĩa là "cây trôm" [9].

Thiềng Liềng là rạch ở xã Thạnh An, huyện Cần Giờ, Tp HCM, dài độ 3.500m. Âm gốc là *Thiền Liễn*. *Thiền Liễn* vốn là tên một loại ngái [4].

Thốt Nốt là huyện của thành phố Cần Thơ, diện tích 171,1 km², dân số 189.600 người (2006), gồm thị trấn Thốt Nốt và 7 xã. *Thốt Nốt* gốc Khmer là *To-noot*, tên một loại cây cùng họ với dừa, thân thẳng và cao, cho một chất để nấu đường.

Một số từ chỉ các con vật sinh sống ở địa phương.

Ba Khía là đường phố ở Tp Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. *Ba Khía* là "loại còng vỏ tím, nhỏ con, càng ngoe dẹp có cạnh" [5].

Cá Nâu là rạch ở huyện Cần Giờ, Tp Hồ Chí Minh. Cá Nâu là “thứ cá biển tròn mình mà dẹp, có nhiều sắc nâu” [1].

Cá Tra là rạch ở huyện Nhà Bè, Tp Hồ Chí Minh. *Cá Tra* gốc Khmer là *Pra*, là “loại cá nước ngọt, không vảy, lưng đen, bụng trắng, mình có lớp mỡ dày”.

Rạch Vượt là cầu trên tỉnh lộ 933B, thuộc tỉnh Sóc Trăng, dài 27m. Rạch Vượt có âm gốc là *Rạch Vược*. *Vược* là “loại cá sù, mềm thịt cùng ngon hơn” [1].

2.5. Tính từ dụ thể hiện qua việc sử dụng hai biện pháp ẩn dụ và hoán dụ

Ẩn dụ là biện pháp lấy tên vật này để chỉ vật khác căn cứ vào sự giống nhau của hai đối tượng

Mẹ Bồng Con là đốc ở gần ngã ba Dầu Giây, huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Gọi *Mẹ Bồng Con* vì có hai đốc liên tiếp, đốc lớn tượng trưng cho mẹ, đốc nhỏ tượng trưng cho con.

Phụ Tử là đảo có hình hai cột đá, một cao một thấp, ở gần bờ biển Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Giữa năm 2006, hòn *phụ* đã bị nước biển bào mòn, ngã đổ. *Phụ Tử* là “cha và con”, vì hai cột đá giống như hai cha con.

Con Rắn là đèo ở xã Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Gọi *con rắn* vì đường đèo ngoằn ngoèo như con rắn.

Chữ Y là cầu bắc qua kinh Tàu Hủ và kinh Đò, nối quận 5 với quận 8, Tp HCM. Cầu có 3 nhánh, tổng chiều dài 493,3m, được xây dựng trong các năm 1938-1941, được sửa chữa lớn năm 1992. Nâng cao một nhánh khi mở đường xuyên thành phố (2007-2009). Gọi chữ Y vì cầu có hình chữ Y.

Còn hoán dụ là biện pháp lấy tên sự vật này để gọi sự vật khác căn cứ vào mối quan hệ gần gũi giữa chúng.

Cai Lậy là huyện của tỉnh Tiền Giang. *Cai Lậy* có dạng gốc là *Cai Lễ*. Ban đầu là tên một cái giồng, do Cai cơ Ngô Tấn Lễ chỉ huy khai khẩn, năm 1871 trở thành tên đơn vị hành chính [TNT]. Ý kiến này có thể đúng, vì hai vần -ê và -ây, hai thanh ngã và nặng có tiền lệ chuyển đổi: (con) *tê* (giác) - *tây*, *để chế* - *tây chay*,... *mãnh* - *mạnh*, *tự* - *chữ*,...

Xá Hương là sông ở hạ lưu sông Vàm Cỏ Đông, tỉnh Long An. *Xá Hương* là cách gọi tắt *Xá* sai Mai Công *Hương*, một viên chức vận lương bằng thuyền, bị quân Xiêm vây đánh, ông đục thuyền cho giặc khỏi cướp lương và hi sinh theo thuyền. Người đời sau lấy tên ông đặt cho sông và xây miếu thờ, gọi là miếu *Ông bản quý* (*bản quý* là cây bản có thân cong xuống), tức miếu Ông tại cây bản quý.

2.6. Tính tiếp biến được nhận thấy trong việc tiếp thu văn hóa Khmer và Pháp trong quá trình cộng cư với hai dân tộc này

Đối với văn hóa Khmer, người Nam Bộ tiếp nhận hàng chục địa danh của người Khmer để đặt tên tỉnh, thành, quận, huyện, như *Sóc Trăng*, *Trà Vinh*, *Cần Thơ*, *Cần Giuộc*, *Cần Đức*, *Thốt Nốt*... Và nhiều địa danh cấp thấp hơn, như: kênh *Xà No*, *Sóc Chét*, *Tức Dục*,...

Đối với văn hóa Pháp, người Nam Bộ chấp nhận sử dụng tên các danh nhân khoa học và văn hóa chân chính của Pháp để đặt địa danh, như ở Tp HCM có các tên đường: *Pasteur, Yersin, Calmette, Alexandre de Rhodes...*; các quan lại Pháp đã có những đóng góp trong việc đào kênh để phát triển kinh tế: kênh *Turc*, kênh *Maspero*,... Ngoài ra, các từ ngữ gốc Pháp đã được sử dụng trong ngôn ngữ hằng ngày cũng được dùng làm địa danh, như: ngã tư *Ga* (gare), kênh *Xáng* (chaland), cầu *Bót* (poste)...

3. Trong tất cả 6 đặc trưng trên, một số cũng có trong địa danh cả nước, nhưng nhiều đặc trưng của riêng Nam Bộ. Chính những đặc trưng đó tạo cho địa danh vùng đất này khá đặc biệt và thú vị. Do đó, chúng ta cần phát huy những ưu điểm và hạn chế những nhược điểm để địa danh vùng đất này ngày càng đẹp hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Huỳnh Công Tín, *Từ điển từ ngữ Nam Bộ*, Nxb KHXH, H., 2007.
2. Hoàng Phê, *Từ điển tiếng Việt*, Đà Nẵng, Nxb Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, 2000.
3. Huỳnh Tịnh Của, *Đại Nam quốc âm tự vị*, Sài Gòn, 1895-1896.
4. Lê Trung Hoa (Chủ biên) - Nguyễn Đình Tư, *Từ điển địa danh thành phố Sài Gòn - Hồ Chí Minh*, Tp HCM, Nxb Trẻ, 2003.
5. Lê Văn Đức, *Việt Nam từ điển*, Khai trí, Sài Gòn, 1970.
6. Nghệ Văn Lương, *Cà Mau xưa*, Nxb Thanh niên, H., 2003.
7. P. P. de Béhaine, *Tự vị An Nam - Latinh* (Dictionarium Anamitico-Latinum, 1772-1773), Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên dịch và giới thiệu, Tp HCM, Nxb Trẻ, 1999.
8. *Từ điển Vĩnh Long*, bản thảo.
9. Trần Hoàng Diệu, Nguyễn Quang Ân, *Địa chí Tiền Giang*, Tập 2, Ban Tuyên giáo tỉnh Tiền Giang và Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu Lịch sử văn hoá Việt Nam, 2007.
10. Trương Ngọc Tường, *Một số địa danh ở Tiền Giang*, Văn hoá nghệ thuật Tiền Giang, tháng 11-2000, tr.27-31.
11. Thạch Phương - Lưu Quang Tuyên, *Địa chí Long An*, Nxb Long An, Nxb KHXH, 1989.
12. Trương Vĩnh Ký, x. Lê Hương, *Người Việt gốc Miên*, tr. 253 - 264, Thái Văn Chải dịch các địa danh gốc Khmer trong sách này.